

Số: 19 /NQ-HĐND

Kê Sắt, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KÊ SẮT
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc
lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản
lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi
phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân thành phố Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu,
chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành
phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà
nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau
sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân xã Kê Sắt Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên
địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-TTHĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của
Thường trực Hội đồng nhân dân xã Kê Sắt Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán
chi ngân sách xã năm 2025 và giao dự toán bổ sung ngân sách xã năm 2025 sau
sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân xã Kê Sắt Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách xã năm 2025
sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà
nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa
phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 4585/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán điều chỉnh chi ngân
sách địa phương năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;



Xét đề nghị của UBND xã Kê Sặt tại Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp, như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách xã năm 2025 tổng số tiền là 3.225.000.000 đồng (*Ba tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Giảm dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (dự toán chưa phân bổ) số tiền: 782.000.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi văn hóa thông tin đã giao Trung tâm Văn hóa TT&TT (nay là Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công) số tiền: 217.000.000 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi thể dục thể thao đã giao Trung tâm Văn hóa TT&TT (nay là Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công) số tiền: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi bảo vệ môi trường đã giao Văn phòng HĐND và UBND xã số tiền: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi giao thông, thị chính đã giao cho Văn phòng HĐND và UBND xã số tiền: 342.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi Quốc phòng, An ninh và TTATXH đã giao Văn phòng HĐND và UBND xã số tiền: 468.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn*), trong đó: Giảm dự toán chi quốc phòng: 79.000.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu đồng chẵn*); Giảm dự toán chi an ninh và TTATXH: 389.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*);

- Giảm Dự phòng ngân sách xã (Dự toán chưa phân bổ) số tiền: 1.378.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu đồng chẵn*).

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách xã năm 2025 tổng số tiền là 2.948.000.000 đồng (*Hai tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Tăng dự toán chi phát thanh, truyền hình, thông tấn số tiền: 373.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi ba triệu đồng chẵn*), phân bổ cho Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã thực hiện;

- Tăng dự toán chi nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản số tiền: 1.710.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng chẵn*), phân bổ cho Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện;

- Tăng dự toán chi sự nghiệp kinh tế khác số tiền: 343.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn*), phân bổ cho Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện;

- Tăng dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, HĐND số tiền: 521.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi một triệu đồng chẵn*), trong đó: phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Văn phòng Đảng ủy: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Văn phòng HĐND và UBND xã: 71.000.000 đồng (*Bảy mươi một triệu đồng chẵn*); phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Phòng Văn hóa - Xã hội xã: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng chẵn*);

- Tăng dự toán chi thường xuyên khác số tiền: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), phân bổ cho Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Điểm a Khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024) bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

- Giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, HĐND-UBND thành phố về dự toán ngân sách năm 2025 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp và ngân sách địa phương.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, nhất là các khoản thu từ đất.

- Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

- Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Kê Sặt giám sát việc thực hiện Nghị quyết.



Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân xã Kê Sặt, Khóa I, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Tp Hải Phòng;
- Lãnh đạo UBND Tp Hải Phòng;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN xã;
- Các ban HĐND xã; Đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: Hồ sơ kỳ họp; VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Sỹ Hoàn

PHỤ LỤC 1
ĐỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Kè Sắt)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 - HĐND xã đã giao tại NQ số 11/NQ-HĐND; điều chỉnh theo NQ 15/NQ-TTHĐND, NQ 16/NQ-HĐND	Số tiền điều chỉnh (Tăng/Giảm) căn cứ theo Quyết định số 4585/QĐ-UBND thành phố	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh kỳ này
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	248.213	-277	247.936
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	248.213	-277	247.936
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	3.300		3.300
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.300		3.300
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	237.691	1.101	238.792
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	112.571	-782	111.789
	Trong đó: tiền thưởng (=10% lương)	5.531		5.531
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	269		269
4	Chi văn hóa thông tin	2.074	-217	1.857
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	650	373	1.023
6	Chi thể dục thể thao	348	-8	340
7	Chi bảo vệ môi trường	1.882	-30	1.852
8	Chi các hoạt động kinh tế	9.983	1.711	11.694
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	55.923	521	56.444
	Trong đó: tiền thưởng (=10% lương)	1.224		1.224
10	Chi bảo đảm xã hội	47.108		47.108
11	Chi Quốc phòng, An ninh và TTATXH	6.575	-468	6.107
12	Chi khác	308	1	309
III	Dự phòng ngân sách	6.948	-1.378	5.570
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
V	Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP	274		274
B	CHI VIỆN TRỢ			
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG MỤC TIÊU			



PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ KÈ SẮT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Kè Sắt)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 - HĐND xã giao tại NQ số 11/NQ- HĐND xã	Số tiền điều chỉnh (Tăng/Giảm) căn cứ theo Quyết định số 4585/QĐ- UBND thành phố	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh kỳ này
A	B	1	2	3=1+2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	248.213	-277	247.936
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	10.357		10.357
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	598		598
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	9.759		9.759
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	237.856	-277	237.579
-	Thu bổ sung cân đối	237.856	-277	237.579
-	Thu bổ sung có mục tiêu			
III	Thu kết dư			
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	248.213	-277	247.936
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	240.991	1.101	242.092
1	Chi đầu tư phát triển	3.300		3.300
2	Chi thường xuyên	237.691	1.101	238.792
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Dự phòng ngân sách	6.948	-1.378	5.570
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu			
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
V	Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP	274		274

CHI Y TÁ DÂN SỎA GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT TRIỂN TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN
4	H5	6

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HÒND	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	TRONG ĐÓ		CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX THEO NQ 173	DỰ PHÒNG NGĂN SÁCH
											CHI GIAO THÔNG, THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC			CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TTATXH					
A	B	$I=2+...+9+13+...+19$	2	3	4	5	6	7	8	$9=10+11+12$	10	11	12	13	14	15	16	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ (I+II+III)	247.936.000.000	111.789.000.000	-	269.000.000	1.857.000.000	1.023.000.000	340.000.000	1.852.000.000	11.694.000.000	1.900.000.000	4.092.000.000	5.702.000.000	56.444.000.000	6.107.000.000	2.019.000.000	4.088.000.000	47.108.000.000	3.300.000.000	309.000.000	274.000.000	5.570.000.000
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.300.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.300.000.000	-	-	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	239.066.000.000	111.789.000.000	-	269.000.000	1.857.000.000	1.023.000.000	340.000.000	1.852.000.000	11.694.000.000	1.900.000.000	4.092.000.000	5.702.000.000	56.444.000.000	6.107.000.000	2.019.000.000	4.088.000.000	47.108.000.000	-	309.000.000	274.000.000	
1	Văn phòng Đảng ủy xã	5.718.000.000												5.718.000.000								
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	112.196.987.720	5.545.779.322			344.300.140	161.132.008	9.838.300	1.852.000.000	11.694.000.000	1.900.000.000	4.092.000.000	5.702.000.000	42.526.000.000	6.107.000.000	2.019.000.000	4.088.000.000	43.373.937.950	-	309.000.000	274.000.000	
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	73.168.577.846	5.545.779.322						1.462.678.050	738.378.027	306.797.927	431.580.100		20.424.130.217	2.254.635.980		2.254.635.980	42.469.976.250		273.000.000		
-	Số xã cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	18.255.035.505				344.300.140	161.132.008	9.838.300		1.332.367.600		245.505.600	1.086.862.000	13.163.977.605	2.339.458.152	1.539.007.592	800.450.560	903.961.700				
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	20.773.374.369							389.321.950	9.623.254.373	1.593.202.073	3.414.914.300	4.615.138.000	8.937.892.178	1.512.905.868	479.992.408	1.032.913.460			36.000.000	274.000.000	
3	Phòng Kinh tế	1.438.000.000												1.438.000.000								
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	5.781.282.728	244.220.678		269.000.000									1.534.000.000				3.734.062.050				
5	UB MTTQ VN xã	2.866.000.000												2.866.000.000								
6	Trung tâm PVHCC xã	1.138.000.000												1.138.000.000								
7	Trung tâm Văn hóa TT&TT	2.704.729.552				1.512.699.860	861.867.992	330.161.700														
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	1.554.010.140				1.084.095.552	469.914.588															
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	1.150.719.412				428.604.308	391.953.404	330.161.700														
8	Trung tâm Chính trị	2.459.000.000	2.459.000.000																			
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	985.717.918	985.717.918																			
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	1.473.282.082	1.473.282.082																			
9	Trường Mầm non Hùng Thắng	5.245.537.500	5.245.537.500																			
	Nguồn 13	5.245.537.500	5.245.537.500																			
10	Trường Mầm non Kế Sặt	7.006.709.500	7.006.709.500																			
	Nguồn 13	7.006.709.500	7.006.709.500																			
11	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	7.404.993.000	7.404.993.000																			
	Nguồn 13	7.404.993.000	7.404.993.000																			
12	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	7.715.226.500	7.715.226.500																			
	Nguồn 13	7.676.226.500	7.676.226.500																			
	Nguồn 12	39.000.000	39.000.000																			
13	Trường Tiểu học Hùng Thắng	5.950.491.000	5.950.491.000																			
	Nguồn 13	5.584.291.000	5.584.291.000																			
	Nguồn 12	366.200.000	366.200.000																			
14	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng	9.449.184.000	9.449.184.000																			
	Nguồn 13	9.049.184.000	9.049.184.000																			
	Nguồn 12	400.000.000	400.000.000																			

[illegible]